

Bản án số: 222/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phúc Tuấn

Bà Lê Thị H

- Thư ký pH tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia pH tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2024/TLST- HNGĐ ngày 08/01/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐST - DS ngày 05/3/2024 và Quyết định hoãn pH tòa số 17/2024/QĐST- HNGĐ ngày 28/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T.N, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ 4, đường Ngô Đình Mẫn, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Phạm G.H, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ 4, đường Ngô Đình Mẫn, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.N trình bày: Chị và anh Phạm G.H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Khê năm 2002. Năm 2014 anh chị thuận tình ly hôn, đến năm 2016 thì kết hôn lại, có đăng ký kết hôn tại UBND phường La Khê ngày 30/3/2016. Sau khi kết hôn lại hai vợ chồng chung sống tại No25 LK 858 Khu dịch vụ Bờ Hội tổ 4, đường Ngô Đình Mẫn, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Từ năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung và đã ly thân từ năm 2018 đến nay.

Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: anh chị có 02 con chung gồm: Phạm T.H, sinh ngày 09/11/2004 và Phạm Gia H1, sinh ngày 20/4/2011. Các con phát triển khỏe mạnh bình thường. Cháu H đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết. Ly hôn chị N xin được nuôi cháu H1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Chị N xác định hiện không mang thai.

Chị N hiện làm bộ đội, thu nhập khoảng 13.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

2. Tại Bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, Bị đơn – anh Phạm G.H trình bày: Anh kết hôn với chị N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Khê năm 2002. Năm 2014 anh chị thuận tình ly hôn, đến năm 2016 thì kết hôn lại, có đăng ký kết hôn tại UBND phường La Khê ngày 30/3/2016. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại tổ 4, đường Ngô Đình Mẫn, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống không có vấn đề gì xảy ra, không có ảnh hưởng đến hàng xóm, tổ dân phố, vợ chồng con cái hòa thuận. Theo anh H, chị N xin ly hôn do vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng chưa được thuận ý. Nay chị N xin ly hôn, anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ để vợ chồng cùng chăm sóc, nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: anh chị có 02 con chung gồm: Phạm T.H, sinh ngày 09/11/2004 và Phạm Gia H1, sinh ngày 20/4/2011. Các con tâm sinh lý phát triển bình thường. Anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái thành công dân tốt cho xã hội.

Anh H hiện đã nghỉ hưu.

Về tài sản chung và công nợ: không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Kết quả xác minh tại địa phương: Anh H và chị N chung sống tại khu dịch vụ Bờ Hội từ khoảng năm 2013, 2014 đến nay. Quá trình anh chị chung sống không thấy xảy ra cãi vã, xô xát gì, không có mâu thuẫn gì với hàng xóm, cụm dân cư. Khoảng cuối năm 2023, theo phản ánh của chị N thì anh H và chị N có xảy ra mâu thuẫn về việc làm ăn kinh tế của anh H. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Ý kiến đương sự tại pH tòa:

- Chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh H. Về con chung: Chị N xin được nuôi con chung là cháu Phạm Gia H1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh H: Được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại pH tòa.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Nguyễn Thị T.N được ly hôn anh Phạm G.H; Về con chung: Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Gia H1 cho đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác; Cháu Phạm T.H đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H đến khi có sự thay đổi khác; Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét; về án phí nguyên đơn chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm G.H đang cư trú tại tổ 4, đường Ngô Đình Mẫn, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hà Đông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn – anh H đã được triệu tập hợp lệ đến pH tòa lần thứ 2 nH1 vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T.N và anh Phạm G.H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn UBND phường La Khê ngày 30/3/2016 nên hôn nhân giữa chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị N và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh H có phát sinh mâu thuẫn, theo chị N nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, anh H cũng xác nhận chị N xin ly hôn do vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng chưa được

thuận ý. Tại pH tòa, chị N vẫn kiên quyết ly hôn, anh H không đến pH tòa, không trình bày ý kiến. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị N xin ly hôn anh H phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh H xác nhận có 02 con chung là Phạm T.H, sinh ngày 09/11/2004 và Phạm Gia H1, sinh ngày 20/4/2011. Các con tâm sinh lý phát triển bình thường.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Cháu H đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên Tòa án không xem xét giải quyết. Cháu H1 có nguyện vọng được ở với chị N và hiện tại cháu đang ở với chị N, chị N có việc làm, thu nhập ổn định. Trên cơ sở xem xét điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng con chung, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các con chung cần giao con chung là cháu H1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H đến khi có sự thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T.N được ly hôn anh Phạm G.H.

2. Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Phạm T.H, sinh ngày 09/11/2004 và Phạm Gia H1, sinh ngày 20/4/2011.

Cháu Phạm T.H, sinh ngày 09/11/2004 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không xem xét giải quyết.

Giao con chung là Phạm Gia H1, sinh ngày 20/4/2011 cho chị Nguyễn Thị T.N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Phạm G.H có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T.N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được đối trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0014824 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T.N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Gia H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận

- Dương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Chi cục THADS quận Hà Đông;
- UBND xã, phường nơi thực hiện ĐKKH;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA**

Nguyễn Thị Thoa